



# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG  
Trường Đại học Vinh

## 1. Đặc điểm hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản lý giáo dục

Thực tập nghề nghiệp (TTNN) là một khâu quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục (QLGD) dành cho sinh viên (SV) năm thứ tư. TTNN thực chất là hoạt động quan sát, học hỏi, tiếp xúc với thực tiễn nghề nghiệp; thực hành các kỹ năng nghề của SV trong một môi trường làm việc cụ thể (cơ sở thực tập) dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở từ đó hình thành, củng cố, phát triển tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện phẩm chất, đạo đức, ý thức trách nhiệm, bồi dưỡng lòng yêu nghề cho SV; giúp các cơ sở đào tạo tự kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm của mình theo yêu cầu phát triển của xã hội. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc trưng của lao động quản lý và quan niệm truyền thống của xã hội về người cán bộ QLGD, hoạt động TTNN của SV ngành QLGD có những đặc điểm riêng phù hợp với mục đích đào tạo của các trường đại học.

Có thể thấy, hoạt động TTNN của SV ngành QLGD gắn liền với chuẩn đầu ra của ngành học. Ngày nay, quản lý được xem là một nghề và có thể đi học nghề để tham gia quản lý [1]. Vì thế, một trong những mục tiêu đầu ra cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành QLGD ở Việt Nam là đào tạo người học trở thành chuyên viên hành chính giáo dục, tức là các chuyên viên làm quản lý hành chính trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục hoặc các chuyên viên hành chính trong các cơ sở giáo dục. Đây là cơ sở để các trường đại học xây dựng kế hoạch TTNN cho SV ngành QLGD phù hợp với những đòi hỏi của công việc trong thực tiễn và góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong xã hội về một ngành nghề mới.

Chương trình, kế hoạch TTNN cho SV ngành QLGD và hoạt động thực tập của SV tại cơ sở hướng đến việc rèn luyện các kỹ năng nghề cần có của người chuyên viên hành chính giáo dục. Đối với các nhân viên hành chính giáo dục, khoa học quản trị hành chính dùng khái niệm "The school administrative officer" (SAO) để chỉ các nhân viên làm công tác hỗ trợ cho hiệu trưởng trong các nhà trường và giám sát các hoạt động trong nhà trường [2; tr. 358]. Để có thể trở thành các chuyên viên hành chính giáo dục, trong khi xây dựng chương trình đào tạo, lập kế hoạch rèn nghề cho SV và trong quá trình tiến hành hoạt động TTNN tại cơ sở, SV cần phải được trang bị và rèn luyện các kỹ năng và bồi dưỡng những phẩm chất phù hợp với yêu cầu của công tác quản trị hành chính giáo dục.

## 2. Thực trạng về chất lượng hoạt động TTNN của SV ngành QLGD Trường Đại học Vinh

Được thành lập vào năm 2011, ngành QLGD Trường Đại học Vinh thuộc quản lý trực tiếp của bộ môn QLGD, Khoa Giáo dục, có chức năng đào tạo cử nhân chuyên ngành cung cấp

nguồn nhân lực cho hệ thống giáo dục quốc dân. Sau 4 năm đào tạo, hiện nay nhà trường đã có khóa cử nhân đầu tiên tốt nghiệp và đang trong giai đoạn tìm kiếm việc làm. Việc SV có đáp ứng tốt yêu cầu công việc hay không phụ thuộc một phần không nhỏ vào hoạt động rèn nghề cho SV tại cơ sở đào tạo. Qua nghiên cứu hoạt động thực tập tốt nghiệp cuối khóa của 52 SV khóa 1 (k52) và 63 SV khóa 2 (k53) chuẩn bị đi thực tập, 53 SV khóa 3 (k54) đã đi thực hành rèn nghề tại cơ sở tại trường bằng phiếu hỏi, phỏng vấn lấy ý kiến các giảng viên (GV), cán bộ quản lý (CBQL) và cán bộ hướng dẫn TTNN và trực tiếp tổ chức hướng dẫn SV thực tập, chúng tôi đã có những đánh giá tổng quan về chất lượng hoạt động TTNN của SV ngành QLGD.

Khảo sát 168 SV và 20 GV, CBQL của cơ sở đào tạo, 20 cán bộ hướng dẫn cơ sở về các vấn đề liên quan đến thực tập như: tầm quan trọng của TTNN, động cơ nhu cầu khi đi thực tập, lựa chọn địa điểm thực tập; những khó khăn khi đi thực tập; hiệu quả của đợt thực tập; các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực tập, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động TTNN của cơ sở đào tạo..., chúng tôi thấy nổi lên những vấn đề sau đây:

### 2.1. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của hoạt động TTNN và nhu cầu động cơ của SV khi đi thực tập

Kết quả điều tra cho thấy: 90,4% SV được hỏi nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của hoạt động TTNN; 93,4% SV cho rằng thông qua đợt thực tập làm cho họ trưởng thành hơn rất nhiều trong việc rèn luyện những kỹ năng nghề cần thiết của một nhà quản lý. Có rất nhiều SV có thái độ tích cực hơn đối với nghề nghiệp sau đợt thực tập (bảng 1).

Tuy nhiên, vẫn còn không ít SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động TTNN (7,14%), còn xem nhẹ và mang tính đối phó (37,5%) hoặc chưa định hình được những việc cần làm khi đi thực tập (48,8%), còn thụ động trong các khâu của quy trình thực tập hoặc vì mục đích cá nhân (thể hiện trong việc lựa chọn địa điểm thực tập) chưa gắn với nhiệm vụ học tập chính (bảng 2, 3 trang 53).

Bảng 3 cho SV lựa chọn nhiều phương án theo thứ tự ưu tiên. Kết quả cho thấy phần lớn SV lựa chọn địa điểm thực tập cuối khóa tại cơ sở do bản thân tự tìm hiểu, liên hệ hoặc có người quen. Đây là con số đáng kể chứng tỏ

Bảng 1: Mức độ quan tâm của SV về các vấn đề liên quan đến kế hoạch TTNN

STT	Kế hoạch TTTN	Các mức độ			
		Ít	Tương đối đủ	Nhiều	Rất nhiều
1	Tầm quan trọng của hoạt động TTNN	7,14	1,78	0,5	90,4
2	Mục tiêu TTNN	9,52	7,14	68,4	14,88
4	Chương trình TTNN	31,5	55,9	7,14	5,35
5	Sự chuẩn bị trước khi đi TTNN	48,8	27,9	12,5	10,7

Bảng 2: Nhu cầu, động cơ của SV khi đi TTNN

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng (SL)	Tỉ lệ (TL) (%)
1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập (TTNN là học phần bắt buộc)	63	37,5
2	Hình thức dễ nâng điểm	61	36,3
3	Củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo liên quan đến nghiệp vụ quản lí; trưởng thành hơn trong học tập	157	93,4
4	Phục vụ cho ngành nghề đã chọn, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng	85	50,5
5	Phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo của cá nhân	71	42,2
6	Thích ứng với môi trường thực tiễn nghề nghiệp	92	54,7
7	Say mê học tập	89	52,97
8	Ý định khác	5	2,9

Bảng 3: Yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm thực tập của SV

STT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng (TL %)			
		Ít	Bình thường	Nhiều	Rất nhiều
1	Mối quan hệ cá nhân				94,0
2	Khoảng cách so với chỗ ở của gia đình				73,21
3	Sở thích	26,1			
4	Thuận lợi cho mục đích xin việc sau khi ra trường			66,66	
5	Phục vụ cho hoạt động học tập, rèn nghề		52,97		
6	Yếu tố khác	8,92			

nhiều SV có khả năng tìm nơi thực tập, tự thiết lập mối quan hệ với các cơ sở thực tập và có thể giúp ích cho các em trong quá trình xin việc sau khi ra trường. Bên cạnh đó, việc SV tự liên hệ địa điểm thực tập cũng có những hạn chế nhất định: địa bàn thực tập rộng, dàn trải gây khó khăn cho công tác hướng dẫn, kiểm tra đánh giá; có những địa điểm chưa phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ QLGD; SV chưa chú trọng vào việc rèn kĩ năng nghề dẫn đến chất lượng thực tập chưa cao. Phỏng vấn và tìm hiểu sâu về thực trạng này cho thấy TTNN cuối khóa là nhiệm vụ học tập được thực hiện trong thời gian dài (7 - 8 tuần), lại có đơn vị học trình cao (5 tín chỉ), do đó SV cũng có xu hướng chọn nơi thực tập gần nhà để tiện đi lại, sinh

Bảng 4: Đánh giá của GV, CBQL về kế hoạch TTNN

Nội dung	Xác định đúng mục tiêu thực tập				Thời lượng thực tập			Sự phù hợp giữa nội dung thực tập với đặc trưng chuyên ngành QLGD			
	Rất cần thiết	Cần thiết	Tương đối cần thiết	Không cần thiết	Vừa phải	Thừa	Thiếu	Rất phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
SL	19	01	0	0	13	0	7	01	16	04	02
TL (%)	95.0	5.00	0	0	65.0	0	35.0	5.00	80.0	20.0	10.0

hoạt, đỡ tốn kém; có người quen thì việc bố trí vị trí thực tập và đánh giá cũng thuận lợi hơn. Vì vậy, chất lượng TTNN và mục tiêu của các nhà quản lí đối với hiệu quả rèn nghề cho SV chưa được như mong muốn.

## 2.2. Thực trạng về công tác quản lí hoạt động TTNN của cơ sở đào tạo

Trao đổi thông tin với các GV, CBQL về kế hoạch, quá trình triển khai đợt rèn nghề cuối khóa cho SV ngành QLGD, chúng tôi nhận được kết quả như bảng 4.

Nhìn vào bảng 4, chúng ta thấy có 95% CBQL, GV cho rằng việc xác định đúng mục tiêu thực tập cho SV là rất quan trọng, cần được đặc biệt lưu ý, quyết định kết quả thực tập của SV. Theo cách đánh giá của đa số GV (65%), thời lượng thực tập như hiện nay là vừa phải, song vẫn có 35% cho rằng thời lượng thực tập như vậy là thiếu, chưa đủ để SV có thể rèn luyện được các kĩ năng của nhà quản lí. Đánh giá về sự phù hợp giữa nội dung thực tập với đặc trưng của chuyên ngành, phần lớn những người được hỏi đều đánh giá là phù hợp (80%). Tuy nhiên, vẫn còn 20% cho rằng chưa phù hợp, cần làm rõ các đặc trưng về kĩ năng nghề, thang điểm đánh giá tương ứng để SV và cán bộ hướng dẫn cơ sở chủ động trong quá trình thực tập. Điều này cho thấy các nội dung TTNN hiện đang áp dụng còn nhiều điều chưa thật sự phù hợp, cần được sửa đổi, bổ sung mới thích ứng với đặc trưng rèn nghề quản lí.

Việc kiểm tra quá trình thực tập của SV được tiến hành trong thời gian 08 tuần. Đây là việc làm quan trọng của GV hướng dẫn nhằm đảm bảo hiệu quả, chất lượng, tiến độ của hoạt động thực tập. Các GV đã áp dụng nhiều hình thức, phương pháp kiểm tra khác nhau. Qua thăm dò ý kiến của SV, GV, cán bộ hướng dẫn cơ sở, chúng tôi có kết quả sau:

Bảng 5: Các hình thức kiểm tra TTNN

Các lựa chọn	SV		GV hướng dẫn, cán bộ hướng dẫn	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Tiếp xúc trực tiếp	28	16,66	5	12,5
Gọi điện thoại	7	4,16	2	5
Gửi qua Email	82	48,8	19	47,5
Họp, sơ kết, tổng kết	6	3,57	1	2,50
Kết hợp các hình thức trên	45	26,78	13	32,5

Hình thức kiểm tra thông tin qua email được lựa chọn cao nhất (SV: 48,8%; GV: 47,5%), điều này cho thấy đây là hình thức giúp các bên tiết kiệm thời gian, chi phí và có hiệu quả nhanh chóng. Hình thức kết hợp cũng có tỉ lệ khá cao 26,78% SV và 32,5% GV, cán bộ hướng dẫn lựa chọn vì đây là phương thức giúp kiểm tra dễ dàng, thuận tiện và bao quát và cũng mang lại hiệu quả cao. Hình thức tiếp xúc trực tiếp, gọi điện thoại được lựa chọn ít hơn, điều



này cũng phản ánh tình trạng thực tế: GV thường không có thời gian để gặp trực tiếp SV; SV còn mang tâm lí e ngại, rụt rè trong khi liên lạc với GV, cán bộ hướng dẫn... Hình thức họp, sơ kết, tổng kết không được đánh giá cao vì trong thực tế còn mang tính hình thức, chưa thực sự có hiệu quả do nhiều yếu tố tác động: địa điểm, thời gian, kinh phí thực tập...

*Bảng 6: Phản hồi của cán bộ hướng dẫn cơ sở thông qua phiếu đánh giá*

TT	Thông tin phản hồi	SL	TL (%)
1	Mức độ hài lòng về cơ chế phối hợp	17	85
2	Sự kịp thời của các thủ tục, văn bản	12	60
3	Tính cụ thể, rõ ràng, đặc trưng nghề nghiệp của các tiêu chí trong phiếu đánh giá	10	50
4	Tính chủ động, sáng tạo, tự học của SV	15	75
5	Thông tin khác	6	30

Bảng 6 cho thấy có 85% cán bộ hướng dẫn cơ sở hài lòng về cơ chế phối hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập. 60% cán bộ hướng dẫn đánh giá các thủ tục, văn bản liên quan đến hoạt động thực tập của SV đã được chuyển đến kịp thời. Tuy nhiên, vẫn còn 40% cán bộ hướng dẫn phản hồi họ nhận được các loại hồ sơ không đúng thời gian, sau khi SV đến thực tập được 1 đến 2 tuần, điều này gây khó khăn trong việc nắm bắt tinh thần và định hướng hoạt động. Cán bộ hướng dẫn cơ sở (50%) cũng phản hồi họ khó đánh giá kết quả thực tập của SV vì thang điểm và tiêu chí trong phiếu đánh giá chưa rõ ràng, chưa mang đặc trưng nghề nghiệp và khó phân loại SV. Bên cạnh đó, 75% đánh giá cao tinh thần tự học, chịu khó, chủ động, sáng tạo của SV trong khi thực tập, số còn lại cho rằng SV chưa biết cách khai thác thông tin, còn mơ hồ về nghề nghiệp và các việc cần làm khi đi thực tập.

Từ việc điều tra thực trạng về chất lượng TTNN của SV ngành QLGD Trường Đại học Vinh, chúng tôi có những nhận xét chung về thực trạng hoạt động này như sau:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của nhà trường, khoa/bộ môn đã xây dựng được chương trình kế hoạch TTNN tương đối chi tiết, đảm bảo đủ nội dung chương trình, đúng quy định, thủ tục hồ sơ cần thiết tạo điều kiện tốt nhất cho SV đi thực tập, phân công cán bộ hướng dẫn thực tập phù hợp với địa điểm, trình độ chuyên môn. Công tác chuẩn bị cho hoạt động TTNN của SV được chuẩn bị chu đáo từ hoạt động tiền trạm, liên hệ địa điểm cho SV đến việc tổ chức tập huấn, tọa đàm hướng dẫn SV trước khi đi thực tập. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập của SV đảm bảo khách quan, công bằng, đúng với năng lực của SV và sự đánh giá của cơ sở thực tập... SV có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của đợt thực tập nên đã có sự chuẩn bị tốt, có ý thức chấp hành kỉ luật.

Bên cạnh đó, công tác quản lí hoạt động TTNN của SV ngành QLGD ở Trường Đại học Vinh còn những hạn chế, bất cập. Cụ thể, đây là lần đầu tiên khoa và trường tổ chức cho SV ngành QLGD thực tập tốt nghiệp cuối khóa nên còn thiếu kinh nghiệm trong việc thiết kế chương trình, liên hệ địa điểm, phân công nhóm thực tập. Một số cơ sở tiếp nhận phản hồi thông tin: quyết định, công văn giới thiệu, thủ tục hồ sơ đôi chỗ còn chưa rõ gây khó khăn trong việc tiếp nhận SV và phân công cán bộ hướng dẫn.

Công tác theo dõi, giám sát hoạt động thực tập của các cấp quản lí tại cơ sở chưa thực sự sát sao, phạm vi thực tập rộng, phân bố trong nhiều tỉnh nên chưa kiểm soát hết để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình thực tập và liên lạc trao đổi thông tin với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở. Các hình thức báo cáo giữa đợt thực tập chưa được thực hiện nghiêm túc... Do chưa có nhiều kinh nghiệm về hoạt động thực tập của SV ngành QLGD nên các GV trong khi đánh giá các sản phẩm thực tập cơ sở của SV còn chưa thống nhất tạo nên sự chênh lệch nhất định trong các nhóm; Số lượng GV chuyên ngành của khoa còn ít, một GV phải hướng dẫn nhiều nhóm nên thời gian dành cho SV còn hạn chế. Mối liên hệ giữa SV với GV, cán bộ hướng dẫn cơ sở chưa thực sự có hiệu quả: do tâm lí ngại liên lạc của SV, GV không có thời gian, phạm vi, địa bàn thực tập rộng...

### **3. Giải pháp quản lí nâng cao hiệu quả TTNN của SV ngành QLGD Trường Đại học Vinh**

#### **3.1. Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, SV và cơ sở thực hành về vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với hoạt động TTNN cuối khóa của SV ngành QLGD**

- Tổ chức các buổi thảo luận, seminar giữa khoa và GV về định hướng, xây dựng nội dung chương trình, quy trình tổ chức thực hiện; tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động TTNN của SV ngành QLGD;

- Tổ chức gặp gỡ, trao đổi giữa khoa, GV hướng dẫn đại diện cơ sở tiếp nhận thực tập để phổ biến kế hoạch thực tập, giải đáp thắc mắc, ổn định tâm lí, thiết lập mối quan hệ giữa SV - GV - cán bộ hướng dẫn cơ sở tạo tâm lí tốt cho SV chuẩn bị đi thực tập;

- Xây dựng và tuyên dương các điển hình SV thực tập hiệu quả để tạo động lực phấn đấu cho SV...

#### **3.2. Các cấp quản lí chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực tập cho SV theo định hướng chuẩn đầu ra**

Hướng xây dựng chuẩn đầu ra hiện nay của các trường đại học là theo tiếp cận năng lực thực hiện. Để SV ra trường có thể làm được việc, kế hoạch thực tập cho SV ngành QLGD cần theo hướng tiếp cận này nghĩa là cần hướng vào câu hỏi "người học sẽ làm được gì và làm như thế nào" trong quá trình học tập và thực tập. Sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận này sẽ chi phối quá trình thực tập của SV và buộc tất cả các khâu trong quá trình thực tập phải thay đổi: nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, cách kiểm tra đánh giá, cách thức quản lí và thực hiện... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

#### **3.3. Đổi mới phương thức tổ chức thực tập, phương pháp kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động TTNN của SV**

Công tác tổ chức hoạt động thực tập cho SV nên theo các hình thức linh hoạt phù hợp với đặc điểm của từng khóa học (số lượng SV, vùng miền, độ tuổi...) theo hai hình thức: tổ chức hoạt động TTNN theo phương thức tập trung; tổ chức hoạt động thực tập theo phương thức gửi thẳng, không tập trung. Để công tác kiểm tra đánh giá quá trình thực tập của SV đảm bảo tính khách quan, công bằng cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng, khoa học với các thang điểm phù hợp, có cơ chế kiểm tra đánh giá chặt chẽ, đồng bộ, phân công rõ quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ phụ trách hoạt động thực tập. Công tác đánh giá sơ kết, tổng kết giữa và sau mỗi kì thực tập của SV cần được tiến hành nghiêm túc, tránh hình thức nhằm được lại những thông tin hữu ích cho các kì thực tập tiếp theo.

**3.4. Tổ chức thực hiện đồng bộ một số biện pháp khác tạo thuận lợi cho quá trình quản lý hoạt động thực tập của SV ngành QLGD**

Trường, khoa phối hợp với Liên chi đoàn thành lập "Câu lạc bộ hỗ trợ SV thực tập" với mục đích tạo tâm thế vững vàng, tự tin cho SV trước khi bước vào môi trường nghề nghiệp thực tiễn bằng các hoạt động trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm thực tập của SV khóa trước, của thầy cô với SV khóa sau; hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc trong quá trình thực tập, định kì sinh hoạt theo chủ đề (có thể bắt đầu ngay từ SV năm thứ nhất); nâng cao vai trò, hiệu quả tư vấn của đội ngũ cố vấn học tập cho SV về ý nghĩa của việc rèn nghề ngay từ năm thứ nhất, duy trì và củng cố trong những năm tiếp theo.

**3.5. Tăng cường mối quan hệ giữa chuyên ngành QLGD với các cơ sở thực hành - thực tập**

Tăng cường mối quan hệ giữa chuyên ngành QLGD với các cơ sở thực hành - thực tập thông qua việc hình thành mạng lưới cơ sở thực hành vệ tinh, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cho những cán bộ tham gia vào hoạt động quản lý, hướng dẫn thực tập, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thực tập của SV ngành QLGD.

**4. Kết luận**

TTNN là hoạt động quan trọng nằm trong chương trình rèn nghề cho SV ngành QLGD. Tổ chức hoạt động TTNN cho SV ngành QLGD là một thực tiễn mới mẻ tại Trường Đại học Vinh. Để hoạt động này đạt hiệu quả, nhà trường cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trong quá trình thực hiện.

**TỰ ĐẶT CÂU HỎI KHI ĐỌC - HIỂU...** (Tiếp theo trang 23)

**3. Kết luận**

Tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc là dấu hiệu của sự giao tiếp, tương tác tích cực giữa người đọc với VB và tác giả để kiến tạo nghĩa, ý nghĩa của VB cho chính mình. Tự đặt câu hỏi là một chiến thuật đọc tích cực, "là con đường hiệu quả để đi vào tác phẩm" [3]. Câu hỏi không chỉ định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ mà còn giúp người đọc tự giám sát, hiệu chỉnh cách đọc, kết quả đọc. Vì vậy, hướng dẫn HS tự đặt câu hỏi trong quá trình tương tác với VB và nhà văn là biện pháp khả thi để giúp HS trở thành một bạn đọc thực sự độc lập, chủ động, sáng tạo. HS cần được biết về chuẩn đầu ra, trang bị những kiến thức thể loại cần thiết cũng như các dạng câu hỏi và cách thức tự đặt câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại của VB trong quá trình đọc - hiểu của chính mình.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Ruth Ann Williamson, (1996), *A Self-Questioning - An Aid to Metacognition*, Reading horizons, Vol. 37, #1 p.31-47.  
 [2]. Tanja Janssen - Martine Braaksma - Michel Couzijn, (2009), *Self-questioning in the literature classroom: Effects on student' interpretation and appreciation of short stories*, Graduate School for Teaching & Learning, University of Amsterdam, the Netherlands.  
 [3]. Barbara Hoetker Ash, (1992), *Student - Made Questions: One Way into a Literary Text*, The English Journal, Vol. 81, No.5, pp. 61-64.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Bùi Minh Hiền (chủ biên) - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo, (2006), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội  
 [2]. Nguyễn Thị Yến Phương, Hứa Hoàng Anh, Đào tạo chuyên viên hành chính giáo dục trong chương trình cử nhân chính quy chuyên ngành QLGD tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, kỉ yếu hội thảo, NXB Đại học Sư phạm, tháng 4 năm 2014.  
 [3]. Lưu Kiếm Thanh, (chủ biên), (2003), *Hành chính văn phòng trong cơ quan nhà nước*, NXB Lao động - Xã hội.  
 [4]. Nguyễn Thị Thu Hằng (nhiều tác giả), (2015), *Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục*, NXB Đại học Vinh.

**SUMMARY**

*Training students in educational management branch is relatively new to higher education of Vietnam and a new-born major in Vinh University. To confirm quality of education, this university should do well in all phases of training programs including students' apprenticeship activities. From understanding the operational characteristics of the student practice education management and practice activities at Vinh University, the article proposes some solutions to improve the efficiency of apprenticeship of students, making contribution to improving training quality, meeting job requirements in the current context.*

**Keywords:** Education management; apprenticeship; university.

[4]. Albert B. Somers, (1999), *Teaching Poetry in High School*, National Council of Teachers of English, Urbana, IL.  
 [5]. NYC DOE, (2003), *Poetry ... Do I Dare? High School English Language Arts Sample Unit of Study for Grades Nine and Ten*.  
 [6]. California State Board of Education, (2013), *California Common Core State Standards: English Language Arts & Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects*.  
 [7]. Massachusetts Department of Elementary and Secondary Education, (2011), *Massachusetts Curriculum Framework for English Language Arts and Literacy*.  
 [8]. Office of Superintendent of Public Instruction, Washington, DC., (2010), *The Common Core State Standards for English Language Arts & Literacy in History/ Social Studies, Science, and Technical Subjects*.

**SUMMARY**

*Basing on the achievements in theoretical questions, nature of poetry and characteristics of high school students, the article recommended standards for reading and understanding a poem in schools, design system of questions that students - the readers can use to read any poem. By using the system question to read a poem, students gradually become independent and creative readers.*

**Keywords:** Self-questioning; reading comprehension; romantics texts.